

# CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÂM HÂN (VIỆT NAM)

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LÂM HÂN (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAM HAN (VIET NAM) COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703111446

3. Ngày thành lập: 03/03/2023

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, đường số 3, KDC Hiệp Thành 3, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 650 3399

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                  | 4610     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                      | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                    | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                        | 8220     |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230     |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 14. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                       | 9610     |
| 15. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                      | 9620     |
| 16. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                           | 9631     |
| 17. | Lập trình máy vi tính                                                                                                               | 6201     |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                 | 6202     |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                     | 6209     |

|     |                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                   | 6311        |
| 21. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                       | 6312        |
| 22. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                        | 6399        |
| 23. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                       | 6619        |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản. | 6820        |
| 25. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                             | 7020        |
| 26. | Quảng cáo                                                                                                                                                                            | 7310        |
| 27. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                             | 7320        |
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                       | 7410        |
| 29. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                  | 7420        |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                              | 7490        |
| 31. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                    | 4690(Chính) |
| 32. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                 | 4711        |
| 33. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                   | 4719        |
| 34. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4721        |
| 35. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4722        |
| 36. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4723        |
| 37. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                              | 1623        |
| 38. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                  | 1702        |
| 39. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                 | 2013        |
| 40. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                              | 4791        |
| 41. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                         | 4799        |
| 42. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                      | 4921        |
| 43. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                             | 4922        |
| 44. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                            | 4929        |
| 45. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                    | 5820        |
| 46. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm                                                                                                                   | 5920        |
| 47. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm        | 7810        |
| 48. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                           | 7820        |
| 49. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                   | 7830        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 50. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |
| 51. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912 |
| 52. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990 |
| 53. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121 |
| 54. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 55. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130 |
| 56. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                | 8219 |
| 57. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 58. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 59. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 60. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 61. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 62. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 63. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 64. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 65. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 66. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 67. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 68. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: VƯƠNG MINH PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 23/10/1997 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074197001355

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 140, Đường Ngô Quyền, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 140, Đường Ngô Quyền, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VƯƠNG MINH PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074197001355

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 140, Đường Ngô Quyền, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 140, Đường Ngô Quyền, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương